

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2021/HS-PT

Ngày 18-01-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tôn Văn Thông

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Tĩnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công K i vụ án hình sự thụ lý số: 121/2020/TLPT-HS ngày 04 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Văn N , Lê Hoàng K , Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2020/HS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B , tỉnh Bến Tre.

*Các bị cáo có kháng cáo:*

1. **Nguyễn Văn N** , sinh năm 1972 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T 1, xã T T , huyện B , tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Đặng Thị L (đã chết); vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; con: có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. **Lê Hoàng K** (Đen), sinh năm 1989 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T 1, xã T T , huyện B , tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm biển; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (đã chết) và bà Phạm Thị K, sinh năm 1959; vợ: Phạm Thị Kim N, sinh năm 1991; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự, vào ngày 27/02/2020 bị Công an xã T T , huyện B , tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, nộp phạt ngày 28/02/2020; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. **Nguyễn Văn T** , sinh năm 1969 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T 1, xã T T , huyện B , tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân

tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T sinh năm 1944; vợ: Dương Thị S, sinh năm 1975; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1984 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T 1, xã T T, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị Ngọc E, sinh năm 1966; vợ: Võ Thị Cẩm N, sinh năm 1989; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ : Ông Trần Nhật L H là Luật sư - Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

*(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn H nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).*

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm 30 tháng 06 năm 2020, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng K tổ chức uống rượu trên ghe của K đang đậu trên kênh gần nhà của K thuộc ấp T 1, xã T T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Trong lúc uống rượu, N rủ đi bắt trộm nghêu của Hợp tác xã thủy sản R thì Đ và K đồng ý. Cả nhóm uống rượu đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì Nguyễn Văn T đi đến và hỏi “Làm gì tụi bây thức khuya vậy?” thì N trả lời “Ngồi nhậu chút đi trộm nghêu”. Nghe vậy T xin theo và cả nhóm đồng ý cho T cùng đi. Sau đó mỗi người về nhà lấy bàn cào nghêu và trở lại ghe của K, K đem theo 08 cái bao tải màu vàng cam để đựng nghêu. K nổ máy điều khiển ghe chở cả nhóm đi ra biển và thả neo đợi nước rút. Trong lúc chờ đợi cả nhóm bàn bạc số nghêu bắt trộm được sẽ để chung rồi đem bán chia làm 05 phần, chia cho K 02 phần vì đi ghe của K, mỗi người còn lại được hưởng 01 phần. Đến khoảng 01 giờ ngày 01 tháng 7 năm 2020 khi thấy lực lượng bảo vệ của Hợp tác xã thủy sản R không còn tuần tra và nước đã rút nên K chạy ghe vào khu vực bãi nghêu của Hợp tác xã thủy sản R thả neo, đậu ghe lại.

Cả nhóm đi xuống bãi nghêu, dùng bàn cào bắt nghêu bỏ vào bao. Đến khoảng 04 giờ sáng cùng ngày cả nhóm bắt được 07 bao nghêu, đưa lên ghe và nổ máy chạy ghe đi. K điều khiển ghe chạy đến sông Ba Lai thuộc ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. N gọi điện thoại cho em ruột của N là Nguyễn Phước H đến để mua nghêu. Sau khi nghe điện thoại xong, H biết là nghêu do N trộm cắp mà có, H gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp T 1, xã T T, huyện B, tỉnh Bến Tre thuê L chạy xe ba bánh đến địa điểm nêu trên để chở

nghe (L không biết là chở nghe trộm). Khi H và L đến nơi, N và đồng bọn vác 07 bao nghe lên cân được 362kg, bán cho H với giá 30.000 đồng/kg, H hẹn sẽ trả tiền cho N sau, L chở số nghe về nhà của H. Trên đường về thì Công an xã T T phát hiện và thu giữ, tiến hành cân 07 bao nghe xác định trọng lượng là 362kg, loại nghe 40 con/kg. Đồng thời thu giữ các vật chứng gồm:

- 07 bao nilon màu vàng cam, mỗi bao có kích thước 110cm, rộng 63cm;
- 01 bàn cào bằng kim loại màu vàng đen, có kích thước dài 29cm, rộng 14cm, gắn hai cán gỗ dài 11cm, trên bàn cào có một túi lưới màu xanh dài 355cm, rộng 14cm, có 01 sợi nilon đỏ trên miệng bàn cào;
- 01 bàn cào bằng kim loại màu đen, có kích thước dài 28cm, rộng 14cm, có hai cán gỗ dài 10,5cm, trên bàn cào có một túi lưới màu xanh dài 294cm, rộng 14cm, bằng miệng cào;
- 01 túi lưới màu xanh dài 340cm, rộng 23cm, trên miệng khung sắt có cột 04 sợi dây nilon màu trắng, 01 ống nhựa màu trắng dài 60cm;
- 01 túi lưới màu xanh dài 330cm, miệng túi lưới có gắn khung sắt hình chữ nhật, kích thước dài 33cm, rộng 20cm, trên miệng khung sắt có cột dây nylon màu trắng ở góc khung sắt;
- 01 cân đồng hồ loại 100kg màu xanh, trên cân có chữ Bến Thành, số 996 sản xuất năm 2019, còn nguyên vẹn;

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn N cùng đồng bọn đã khai nhận hành vi phạm tội, xác định hiện trường vụ trộm nằm trong khu vực bãi nghe của Hợp tác xã thủy sản R, tại tọa độ 10°01'54,8"N - 106°43'17,3"E, thuộc ấp T 1, xã T T, huyện B, tỉnh Bến Tre;

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bến Tre ra Lệnh kê biên tài sản đối với 01 chiếc ghe gỗ dài 4,95m, rộng 1,3m, cao 0,6m, trên ghe có gắn động cơ dầu hiệu ISEKI, số máy 124146 và 01 bình ắc quy SCB 12V-50AH. Đây là phương tiện mà Lê Hoàng K dùng vào việc phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐG ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: nghe thịt loại 40 con/kg với trọng lượng 362kg có giá trị là: 14.480.000 đồng;

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bến Tre đã trả lại 362kg nghe cho Hợp tác xã thủy sản R quản lý. Người đại diện hợp pháp của Hợp tác xã thủy sản R, ông Huỳnh Thanh Ph đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2020/HS-ST ngày 28-10-2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Hoàng K, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ phạm "Tội trộm cắp tài sản";

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Hoàng K 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án;

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H , xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 29/10/2020; các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn N kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo;

- Ngày 06/11/2020, bị cáo Lê Hoàng K kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo;

- Ngày 09/11/2020, bị cáo Nguyễn Văn Đ kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N , Lê Hoàng K , Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, áp dụng thêm cho bị cáo N khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tại cấp phúc thẩm bị cáo Đ cung cấp thêm tình tiết có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị bệnh, ông cố là liệt sĩ nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên về hình phạt; Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn N 09 tháng tù, Lê Hoàng K 09 tháng tù, Nguyễn Văn T 06 tháng tù và Nguyễn Văn Đ 06 tháng tù là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 tháng tù và bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài

sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Hoàng K 09 tháng tù và bị cáo Nguyễn Văn T 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ , Luật sư Trần Nhật L H phát biểu tranh luận: bị cáo Đ phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, được chính quyền địa phương xác nhận có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị bệnh, ông cố là liệt sĩ, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo cho bị cáo Đ được hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào khoảng 01 giờ ngày 01/7/2020; các bị cáo Nguyễn Văn N , Nguyễn Văn Đ , Lê Hoàng K và Nguyễn Văn T đã bàn bạc, thống nhất thực hiện hành vi bắt trộm 362kg nghêu thịt tại bãi nghêu của Hợp tác xã thủy sản R , loại 40 con/kg, trị giá 14.480.000 đồng, sau đó bán lại nghêu cho Nguyễn Văn H . Mặc dù biết rõ số nghêu trên do trộm cắp mà có nhưng H vẫn đồng ý thu mua với giá 30.000 đồng/kg, thu lợi số tiền 3.620.000 đồng; trên đường vận chuyển nghêu thì bị Công an xã T T phát hiện thu giữ.

[3] Về tội danh: các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, vì động cơ tự lợi đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của Hợp tác xã thủy sản R 362kg nghêu thịt trị giá 14.480.000 đồng, hành vi phạm tội của các bị

cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Với ý thức, hành vi và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Hoàng K, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo yêu cầu được hưởng án treo; thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn; bị cáo N có vai trò vừa là người rủ rê, vừa là người thực hành; các bị cáo K, T và Đ có vai trò là người thực hành; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo N, T và Đ có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo K sử dụng chiếc ghe của mình để làm phương tiện thực hiện tội phạm, có nhân thân xấu vì có tiền sự; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo N là lao động chính trong gia đình nuôi vợ và con nhỏ, hiện vợ bị bệnh tắc nghẽn mạch máu, con bị bệnh động kinh nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn N 09 tháng tù, Lê Hoàng K 09 tháng tù, Nguyễn Văn T 06 tháng tù và Nguyễn Văn Đ 06 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Các bị cáo N, T và Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo N có vợ và con bị bệnh, có hoàn cảnh gia đình khó khăn đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tại cấp phúc thẩm bị cáo Đ có đơn được chính quyền địa phương xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có vợ bị bệnh u nang buồng trứng, có ông cố tên Trần Thanh Đ là liệt sĩ. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng; xét thấy sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đang trên đường vận chuyển tài sản trộm cắp đã bị Công an xã T T phát hiện thu giữ và giao trả lại đầy đủ cho bị hại, vì vậy xem như các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng tình tiết giảm nhẹ này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo. Xét thấy các bị cáo N, T và Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cấp phúc thẩm

có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy không cần phải bắt các bị cáo N, T và Đ chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo luật định cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo N, T và Đ là có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo này nên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm, cho các bị cáo N, T và Đ được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật;

Đối với bị cáo K ; mặc dù bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tại cấp phúc thẩm được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên; xét thấy bị cáo phạm tội với vai trò là người thực hành tích cực, dùng chiếc ghe của mình để làm phương tiện thực hiện tội phạm, bị cáo điều khiển ghe chở các bị cáo khác đi trộm ngêâu, sau đó chở ngêâu trộm cắp được cùng các bị cáo khác trở về, giá trị ngêâu trộm cắp được sẽ được chia cho bị cáo 02 phần, riêng các bị cáo khác chỉ được chia 01 phần, vì vậy mức hình phạt 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Mặc khác; bị cáo có nhân thân xấu, đã có tiền sự do bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo K có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo K nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo K là có căn cứ pháp luật.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo K là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nhưng giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo N, T và Đ là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Người bào chữa đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo Đ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và đề nghị cho bị cáo Đ được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí:

- Các bị cáo N, T và Đg không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

- Bị cáo K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ; sửa Bản án sơ thẩm số: 36/2020/HS-ST ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 18/01/2021;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 18/01/2021;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 18/01/2021;

Giao các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã T T, huyện B, tỉnh Bến Tre nơi cư trú cùng gia đình các bị cáo phối hợp giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Lê Hoàng K; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 36/2020/HS-ST ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;



Xử phạt bị cáo Lê Hoàng K 09 (chín) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù;

Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lê Hoàng K với thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Các bị cáo Nguyễn Văn N , Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Lê Hoàng K phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H , xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện B (12b);
- Công an và VKSND h. B (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- UBND xã T T , h B (1b);
- Bị cáo (4b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tôn Văn Thông**